

BIỂU PHÍ CÁC DỊCH VỤ THANH TOÁN CHẤP NHẬN THẺ

Hiệu lực từ ngày 01/08/2024

I. Biểu phí dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ POS, softPOS (Tap to Phone), QR payment

1. Mức phí thu của Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) đối với các loại thẻ:

Loại thẻ	Mức phí (chưa bao gồm VAT)	
	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam
Thẻ ghi nợ nội địa (Napas)	0.7%	
Thẻ quốc tế (Visa, MasterCard, JCB, UnionPay)	1.2% - 2.2%	2.4% - 3.0%

2. Mức phí vận hành:

a) Đối với POS (phí thuê POS):

STT	Loại máy POS	Mức phí hàng tháng (VNĐ/ POS)
1	POS 3G do VPBank triển khai	176,000
2	SmartPOS do VPBank triển khai	220,000
3	Các POS khác do VPBank cung cấp	Theo quy định của VPBank từng thời kỳ
- Mức phí đã bao gồm VAT; - Phí thuê máy POS sẽ được thu theo quy định của VPBank từng thời kỳ - Nếu trong tháng giao dịch, tổng số tiền giao dịch thông qua softPOS của ĐVCNT lớn hơn hoặc bằng 60,000,000 VNĐ ($\geq 60,000,000$ VNĐ) thì ĐVCNT sẽ được miễn phí thuê POS của tháng giao dịch đó.		

b) Đối với softPOS - Tap to Phone (phí duy trì dịch vụ):

Đối tượng áp dụng	Mức phí hàng tháng (VNĐ/softPOS)		
ĐVCNT	50,000		
TGTT/ Master Merchant	Dưới 5000 thiết bị	Từ 5,000 đến 10,000 thiết bị	Trên 10,000 thiết bị
	50,000 VNĐ	30,000 VNĐ	20,000 VNĐ

- Mức phí đã bao gồm VAT;
- Phí duy trì dịch vụ sẽ được thu theo quy định của VPBank từng thời kỳ;
- Nếu trong tháng giao dịch, tổng số tiền giao dịch thông qua softPOS của ĐVCNT lớn hơn hoặc bằng 100,000,000 VNĐ ($\geq 100,000,000$ VNĐ) thì ĐVCNT sẽ được miễn phí duy trì dịch vụ của tháng giao dịch đó.

II. Biểu phí dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ trực tuyến

1. Mức phí thu của Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT) đối với các loại thẻ:

Loại thẻ	Mức phí (chưa bao gồm VAT)	
	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam
Thẻ ghi nợ nội địa (Napas)	0.7%	
Thẻ quốc tế (Visa, MasterCard, JCB, UnionPay)	1.4% - 1.6%	2.4% - 3.0%

2. Mức phí dịch vụ khác:

STT	Các loại phí	Thẻ quốc tế (VNĐ)	Thẻ nội địa (VNĐ)
1	Phí xử lý giao dịch		
1.1	Phí xử lý giao dịch với TGTT & Master Merchant (Thu trên mỗi giao dịch phát sinh)	2,000	1,500
1.2	Phí xử lý giao dịch với các ĐVCNT thông thường		
1.2.1	< 10,000 GD/ tháng	3,000	1,500
1.2.2	> 10,000 GD/ tháng	2,000	1,500
2	Phí duy trì dịch vụ hàng tháng	700,000/ MID	Miễn phí
3	Phí sử dụng tokenization trên Cybersource (tính theo số lần sử dụng/ tháng)		
	Từ 0-250,000 lần	1,500 VNĐ	Miễn phí
	Từ 250,001 - 500,000 lần	1,300 VNĐ	Miễn phí
	Từ 500,001 - 1,000,000 lần	1,100 VNĐ	Miễn phí

	Từ 1,000,001-2,000,000 lần	9,00 VNĐ	Miễn phí
	Từ 2,000,001 - 4,000,000 lần	700 VNĐ	Miễn phí
	Trên 4,000,000 lần	500 VNĐ	Miễn phí
4	Phí sử dụng tokenization trên MPGS (tính theo số lượng token lũy kế)		
	Từ 0-15,000 token	1,500 VNĐ	Miễn phí
	Từ 15,001-30,000 token	1,300 VNĐ	Miễn phí
	Trên 30,000 token	1,100 VNĐ	Miễn phí
	Trên 50,000 token	900 VNĐ	Miễn phí
	Trên 100,000 token	700 VNĐ	Miễn phí
	Trên 500,000 token	500 VNĐ	Miễn phí